TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **511**/2024/QĐST-HNGĐ	*GL, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 358/2024/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **LTN**, sinh năm 1997; địa chỉ: Số nhà 14 ngách 133/8 TT, xã ĐT, huyện GL, thành phố H.

Bị đơn: Anh **TVT**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 95 ngõ 201 TT, xã ĐT, huyện GL, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị LTN, sinh năm 1997 và anh TVT, sinh năm 1981.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị LTN và anh TVT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị LTN và anh TVT cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu TĐQ, sinh ngày 31/12/2015 và cháu TVN, sinh ngày 16/9/2019.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu TĐQ và cháu TVN cho chị LTN là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của anh TVT đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N là 10.000.000 đồng/01 con/ mỗi tháng kể từ tháng 12/2024 đến khi cháu Q, cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị LTN và anh TVT không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị LTN chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị LTN đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004417 ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GL.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND huyện GL;
- Chi cục THADS huyện GL;
-UBND xã ĐT (GCNKH số 135/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.